

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

0 - TỔNG LOẠI

001 – Khoa học nói chung

001. Nghiên cứu nhu cầu tin của các doanh nhân trẻ tại Trung tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trẻ Việt Nam: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Nguyễn Thị Hồng Nhung. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2008. - 82tr. ; 29cm

001.85/LAV 6343

002 – Xuất bản

002. Sơ thảo lịch sử 60 năm Báo Nhân dân (1951 - 2011). - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 295tr. ; 21cm

002.6/69817

02 – Thư viện

003. Các hệ thống Thông tin Thư viện ở Việt Nam: Hiện trạng - phương hướng và giải pháp phát triển / Trịnh Thị Kim Chi. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2000. - 127tr. ; 29cm

021(V)/T 22597

004. Khảo sát việc định từ khoá tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện học viện báo chí và tuyên truyền: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 62.32.20 / Vũ Thị Hồng Luyến. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2008. - 82tr. ; 29cm

027/LAV 6341

005. Khảo sát viện áp dụng qui chế mẫu đối với các thư viện tỉnh, thành phố thuộc Liên hiệp thư viện khu vực Đồng Bằng sông Hồng: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phạm Thị Khánh Ngân. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2008. - 95tr. ; 29cm

027/LAV 6342

006. Nghiên cứu hoàn thiện công tác tổ chức quản lý nguồn tài liệu xám của Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng phương thức đào tạo theo tín chỉ: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Trần Thị Thanh Vân. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2008. - 103tr. ; 29cm

027/LAV 6340

007. Nghiên cứu và hoàn thiện dịch vụ thông tin trong hệ thống thông tin thư viện thuộc Viện khoa học xã hội Việt Nam: Luận văn thạc sĩ khoa học thư viện: 60.32.20 / Phùng Thị Bình. - H. : Trường Đại học văn hoá, 2008. - 79tr. ; 29cm

027/LAV 6344

03 – Bách khoa toàn thư...

008. Sách tra cứu các mục từ về tổ chức. - H. : Chính trị quốc gia, 2004. - 789tr. ; 24cm
03/V 12096

009. Strategic survey 2010. The Annual review of world affairs. - New York : Routledge, 2010. - 432p. ; 24cm
03+3+9(T)/AV 10924

2 - CHỦ NGHĨA VÔ THẦN - TÔN GIÁO

010. 10 tôn giáo lớn trên thế giới / Hoàng Tâm Xuyên chủ biên; Ng.dịch: Dương Thu Ái, Phùng Thị Huệ. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 644tr. ; 24cm
29/V 12188/V 12189

3K - CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

011. Về các quan điểm phê phán chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội: Kỷ yếu: Công trình khoa học "Chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam" / Vũ Đình Hoè chủ nhiệm đề tài; Nguyễn Thanh Tuấn phó chủ nhiệm đề tài. - H. : Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2007. - 458tr. ; 29cm. - (Chương trình khoa học trọng điểm 2005 - 2007 "Chủ nghĩa Mác Lê-nin trong thời đại ngày nay")
Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; 427tr.
T.1
3K1/T 22613

012. Phát huy dân chủ tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân / Nguyễn Phú Trọng. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 739tr. ; 22cm
3K5+32(V)2/69821/69822

013. Đảng ta là đạo đức, là văn minh / Chủ biên: Trương Ngọc Nam, Hoàng Anh. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 420tr. ; 21cm
3K5H+3KV3/69816

014. Hồ Chí Minh toàn tập. - Xuất bản lần thứ 3. - H. : Chính trị quốc gia, 2011.; 24cm
T.2 : 1924 – 1929 - 647tr.
3K5H/V 12186
T.3 : 1930 – 1945 - 700tr.
3K5H/V 12187

015. Theo chân Bác - Hồ sơ hành trình Bác Hồ tìm đường cứu nước. - H. : Lao động, 2011. - 490tr. ; 27cm
Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, 70 năm Bác trở về nước (1941-2011)

3K5H/V 12164/V 12165

016. Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - Văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh / Hữu Thịnh. - H. : Hội nhà văn, 2010.; 24cm

T.1 : Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ Việt Nam. - 394tr.

3K5H6/V 12180

T.2 : Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ Việt Nam. - 382tr.

3K5H6/V 12181/V 12182

T.3 : Hồ Chí Minh trong trái tim văn nghệ sĩ thế giới. - 499tr.

3K5H6/V 12183/V 12184

017. Nghiên cứu, xác minh tư liệu và địa chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và hoạt động ở nước ngoài từ năm 1911 đến năm 1941. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 444tr. ; 24cm

Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước

3K5H6/V 12160/V 12161

018. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và vận dụng ở Việt Nam hiện nay: Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ 2007: B.07-03 / Nguyễn Đức Lữ chủ nhiệm đề tài. - H. : Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2008. - 181tr. ; 29cm

Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học đề tài cấp Bộ 2007; 140tr.Lưu hành nội bộ

3K5H6+298(V)/T 22611

019. Tư tưởng Hồ Chí Minh với công tác dân vận trong thời kỳ đổi mới / Phạm Hùng sưu tầm. - H. : Lao động, 2011. - 520tr. ; 27cm

3K5H6+3KV4/V 12174/V 12175

020. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / Trương Cộng Hoà. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 79tr. ; 29cm

3K5H6+327/LAV 6360

021. Các chuyên đề nghiên cứu quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX. - H. : Quân đội nhân dân, 2001. - 264tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

3KV/V 12041

022. Cẩm nang dành cho cấp uỷ - Điều lệ đảng cộng sản Việt Nam khoá XI - Quy định mới hướng dẫn về công tác bầu cử, tổ chức, kiểm tra. - H. : Lao động, 2011. - 481tr. ; 28cm

3KV+34(V)041/V 12156/V 12157

023. Tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 516tr. ; 24cm

3KV(060)/V 12192/V 12193

024. 50 năm Ban Kinh tế Trung ương (1950 - 2000) / Chủ biên: Nguyễn Tấn Trịnh, Nguyễn Văn Đăng. - H. : Chính trị quốc gia, 2000. - 333tr. ; 29cm

3KV1/V 12086

025. 55 năm truyền thống ngành kiểm tra Đảng (1948 - 2003). - H. : Ủy ban Kiểm tra Trung ương, 2003. - 397tr. ; 24cm

3KV1/V 12129/V 12130

026. Sơ thảo lịch sử đảng bộ khối các cơ quan Trung ương (1948 - 2010). - H. : Chính trị quốc gia, 2010. - 538tr. ; 30cm

3KV1/V 12087

027. Truyền thống 72 năm ngành tổ chức xây dựng đảng (1930 - 2002). - H. : Chính trị quốc gia, 2002. - 317tr. ; 24cm

3KV1/V 12094

028. Văn phòng Trung ương Đảng - 72 năm xây dựng và trưởng thành 1930 - 2002. - H. : [Knxb], 2002. - 303tr. ; 24cm

3KV1/V 12125

029. Biên niên sự kiện cơ bản lịch sử đảng bộ thành phố Hà Nội (2001 - 2005) / Nguyễn Chí Mỹ chủ biên. - H. : Nxb.Hà Nội, 2005. - 361tr. ; 24cm

3KV1(V-H)/V 12141

030. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng. - H. : Chính trị quốc gia, 2008. - 430tr. ; 24cm

3KV4+3K5H6/V 12093

031. Thế giới thế kỷ XXI và chủ nghĩa xã hội: Hội thảo lý luận giữa Đảng cộng sản Nhật Bản và Đảng cộng sản Trung Quốc / Tetsuzo Fuwa. - H. : Chính trị quốc gia, 2010. - 271tr. ; 21cm

Sách tham khảo

3KN/69709

032. Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng: Sách tham khảo / Lưu Chấn Hoa. - H. : Chính trị quốc gia, 2010. - 567tr. ; 24cm

3KN(414)/V 11220

033. Thế hệ lãnh đạo thứ năm Đảng cộng sản Trung Quốc: Tài liệu tham khảo (Phụ trương của thông tin nghiên cứu chiến lược và khoa học công an) / Khâu Bình, Hiếu Xung chủ biên; Kiều Tình dịch. - H. : Viện chiến lược và khoa học công an, 2006. - 328tr. ; 27cm

3KN(414)+32(N414)/V 12038

034. Ủy ban Trung ương bị đóng cửa tất cả đã ra đi... / N.A. Zencovich. - H. : [Knxb], 2000.; 24cm

Q.1, Ph.1 : Con đường ngăn ngui dân đến kết thúc Đảng cộng sản Liên Xô. - 306tr.

3KX/V 12122

Q.2, Ph.2 : Những ngày cuối cùng của Quảng trường Starui. - 320tr.

3KX/V 12123

035. Huyền thoại thanh niên xung phong Việt Nam. - H. : Thông tấn xã Việt Nam, 2009. - 423tr. ; 29cm

Công trình xuất bản đền ơn đáp nghĩa trong chương trình truyền thống và xuất bản mang tên "Uống nước nhớ nguồn"

3KTV+355(V)(09)/V 12137

036. Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế / Phạm Hồng Tung. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 525tr. ; 24cm

3KTV/V 12190/V 12191

037. Lịch sử Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và phong trào thiếu nhi Việt Nam / Đào Ngọc Dung chủ biên. - H. : Thanh niên, 2001. - 384tr. ; 23cm

3KPV/V 12146

3 - CÁC KHOA HỌC XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ

31 – Thống kê. Hoạch toán. Phân tích kinh tế

038. Niên giám thống kê = Statistical yearbook of Vietnam 2008. - H. : Thống kê, 2009. - 819tr. ; 25cm

31(V)/V 12135

039. Báo cáo kiểm toán năm 2007. - H. : [Knxb], 2008. - 525tr. ; 29cm

317.7/V 12112

040. Báo cáo kiểm toán năm 2008. - H. : [Knxb], 2009. - 666tr. ; 29cm

317.7/V 12113

041. Chế độ kế toán dành cho đơn vị hành chính sự nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15-11-2010 và chế độ quản lý chi tiêu, tiếp khách, hội nghị theo mục ngân sách mới 2011. - H. : Tài chính, 2011. - 539tr. ; 28cm

317.7+34(V)8/V 12206

042. Chế độ kế toán và sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2011: (Theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15-11-2010 của Bộ Tài chính). - H. : Lao động, 2011. - 535tr. ; 28cm

317.7+34(V)8/V 12207

043. Kế toán trưởng doanh nghiệp những quy định pháp luật cần biết. - H. : Tài chính, 2010. - 535tr. ; 28cm
317.7+34(V)8/V 12205

32 – Chính trị. Khoa học chính trị

044. Hội thảo cấp cao về chính sách Việt Nam: Hướng tới thập niên mới và giai đoạn xa hơn. - H. : Viện khoa học xã hội Việt Nam, 2010. - tr. ; 29cm
32(V)+33(V)/T 22601

045. Hai mươi năm đổi mới ở thủ đô Hà Nội và định hướng phát triển đến năm 2010: Sách chuyên khảo, phục vụ nghiên cứu, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ Thành phố) / Phùng Hữu Phú chủ biên. - H. : Nxb.Hà Nội, 2005. - 398tr. ; 24cm
32(V)2+913/V 12142

046. Việt Nam 20 năm đổi mới: Sách tham khảo / Ari Kokko. - H. : Thế giới, 2008. - 315tr. ; 24cm
32(V)2+33(V)/V 12149

047. Báo cáo diễn hình tiên tiến tại Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam lần thứ nhất. - H. : [Knxb], 2010. - 112tr. ; 29cm
32(V)5/V 12114

048. Kỷ yếu hội thảo quốc gia cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam và chính sách đại đoàn kết dân tộc. - H. : Chính trị quốc gia, 2010. - 119tr. ; 27cm
32(V)5/V 12076

049. Tác phẩm đạt giải báo chí vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc (2003 - 2008). - H. : [Knxb], 2009. - 496tr. ; 23cm
32(V)5+V24/V 12127

050. Vai trò của người Việt trong phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam: Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp Bộ / Bùi Xuân Đính chủ nhiệm đề tài. - H. : Viện dân tộc học, 2009. - 194tr. ; 29cm
32(V)5+33(V)5/T 22608

051. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới: Kỷ yếu đề tài cấp Bộ năm 2007: B.07-29 / Trương Minh Dục chủ nhiệm đề tài. - Đà Nẵng : Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2008. - 202tr. ; 29cm
Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ năm 2007; 180tr.
Lưu hành nội bộ
32(V)5/T 22612

052. Xu hướng phát triển và những giải pháp giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo và nhân quyền ở Tây Nguyên: Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ 2006 - 2007: B.06-51 /

Nguyễn Quốc Phẩm chủ nhiệm đề tài. - H. : Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2007. - 502tr. ; 29cm

Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; 171tr.

Lưu hành nội bộ

32(V)5/T 22610

053. Những chặng đường lịch sử vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam (1929 - 2011). - H. : Lao động, 2011. - 450tr. ; 27cm

32(V)77+32(V)1/V 12168/V 12169

054. “Quá trình Nhật Bản vận động để trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc”: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Vũ Hải Điệp.* - H. : Trường Đại học sư phạm, 2010. - 114tr. ; 29cm

32(N413)+327.51/LAV 6357

055. Báo cáo phát triển kinh tế và cải cách thể chế phát triển Trung Quốc - 30 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978 - 2008): Sách tham khảo / *Trâu Đông Đào chủ biên, Lê Quang Lâm dịch.* - H. : Chính trị quốc gia, 2010. - 818tr. ; 24cm

32(N414)+33(N414)/V 12095

056. Nhật Bản và các nước tiểu vùng MeKong - Môi quan hệ lịch sử: Hội thảo khoa học quốc tế. - H. : Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, 2010. - 549tr. ; 29cm

32(N413)+9:327/T 22735

057. Chiến lược an ninh quốc gia Trung Quốc đầu thế kỷ 21: Sách tham khảo nghiệp vụ. - H. : Tổng cục II-BQF, 2007. - 682tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

32(N414)+355(N414)/69706

058. Chính sách đối ngoại của Indonexia trong giai đoạn cầm quyền của tổng thống Suharto (1967 - 1998): Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử: 60.22.50 / *Nguyễn Thị Hoài Đức.* - H. : Trường Đại học sư phạm, 2010. - 113tr. ; 29cm

32(N448)/LAV 6347

059. Nước Nga tìm lại vị thế siêu cường: Tập hợp các bài viết của các học giả nước ngoài / *Nguyễn Chiến, Phạm Văn Hùng,....* - H. : Viện chiến lược và khoa học công an, 2009. - 274tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

32(N519.1)/V 12036

060. Nước Nga: Từ chủ nghĩa xã hội hiện thực sang chủ nghĩa tư bản hiện thực: Sách tham khảo nghiệp vụ. - H. : Tổng cục II-BQF, 2007. - 612tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

32(N519.1)/69707

- 061. Chiến lược an ninh quốc gia Nga đến năm 2020:** Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 104tr. ; 29cm
32(N519.1)/T 22606
- 062. Chính sách của chính quyền George W. Bush đối với chương trình hạt nhân của Iran:** Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Trịnh Xuân Hồng*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 78tr. ; 29cm
32(N711)+327.03/LAV 6355
- 063. Chính sách của Mỹ đối với cuộc xung đột Israel - Palestin từ năm 1991 đến năm 2008:** Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử: 60.22.50 / *Bùi Thu Hà*. - H. : Trường Đại học sư phạm, 2010. - 111tr. ; 29cm
32(N711)/LAV 6346
- 064. Chính sách phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử của Mỹ:** Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Phạm Thị Kim Chi*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 118tr. ; 29cm
32(N711)+327.03/LAV 6352
- 065. The Caucasus under Soviet rule / Alex Marshall.** - New York : Routledge, 2010. - 387p. ; 24cm
32(X)+32(N519)/AV 10894
- 066. Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông:** Cơ sở, thực trạng và triển vọng: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Lý Thị Hoài Trang*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 76tr. ; 29cm
327/LAV 6354
- 067. Quan hệ Mỹ - ASEAN từ 2000 đến nay:** Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Vũ Thị Lan Hương*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 91tr. ; 29cm
327/LAV 6361
- 068. Quan hệ Việt Nam - Mỹ Latinh:** Thực trạng và triển vọng: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Trịnh Thị Thu Hà*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 91tr. ; 29cm
327/LAV 6358
- 069. Xây dựng đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản:** Nội dung và lộ trình: Hội thảo khoa học quốc tế. - H. : Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, 2010. - 259tr. ; 29cm
327/T 22733
- 070. An ninh Đông Nam Á trong thiên niên kỷ mới.** - H. : [Knxb.], 2004. - 336tr. ; 21cm
Lưu hành nội bộ
327.03+32(N44/45)/69708

071. Bàn về an ninh phi truyền thống: Tài liệu tham khảo (Phụ trương của thông tin nghiên cứu chiến lược và khoa học công an). - H. : Viện chiến lược và khoa học công an, 2006. - tr. ; 27cm

327.03/V 12040

072. Hiệp định hợp tác hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ và những tác động: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Lại Thị Thanh Mai*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 93tr. ; 29cm

327.03/LAV 6353

073. Những quan điểm an ninh mới ở Châu Á: Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 114tr. ; 29cm

327.03/T 22603

074. Triển vọng địa chiến lược và địa chính trị thế giới trong 30 năm tới: Sách tham khảo nghiệp vụ. - H. : Tổng cục II-BQF, 2006. - 424tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

327.03/69704

075. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF): Thực trạng và triển vọng: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Phạm Văn Nhậm*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 120tr. ; 29cm

327.51/LAV 6351

076. Vấn đề an ninh phi truyền thống với hoạt động của diễn đàn khu vực ASEAN (ARF): Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / *Trần Thị Thu Trang*. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 124tr. ; 29cm

327.51/LAV 6350

077. Phong trào công nhân quốc tế - Những vấn đề lịch sử và lý luận: Sách tham khảo. - H. : Chính trị quốc gia, 2011.; 22cm

T.3 : Mở đầu những trận chiến đấu cách mạng của thế kỷ XX - 1179tr.

327.54/69687/69688

T.6 - 1062tr.

327.54/69820

078. Chinese foreign policy: An introduction / *Marc Lanteigne*. - New York : Routledge, 2009. - 163p. ; 25cm

32(N414)/AV 10901

079. India's national security: Annual review 2009 / Ed.: *Satish Kumar*. - New Delhi : Routledge, 2010. - 490p. ; 22cm

32(N461)/A 12851

080. Political Islam and governance in Bangladesh / Ed.: Ali Riaz, C. Christine Fair. - New York : Routledge, 2011. - 183p. ; 24cm. - (Routledge contemporary South Asia series)

32(N462)/AV 10918

081. *Communicating securityCivil - Military relations in Israel* / Ed.: Udi Lebel. - New York : Routledge, 2010. - 239p. ; 24cm

32(N486)/AV 10899

082. *American foreign policy and Postwar reconstruction: Comparing Japan and Iraq* / Jeff Bridoux. - New York : Routledge, 2011. - 240p. ; 24cm. - (Routledge Studies in US Foreign Policy)

32(N711)/AV 10891

083. *Neoconservatism and American foreign policy: A critical analysis* / Danny Cooper. - New York : Routledge, 2011. - 208p. ; 24cm. - (Routledge studies in US foreign policy)

32(N711)/AV 10915

084. *American sanctions in the Asia - Pacific* / Brendan Taylor. - New York : Routledge, 2010. - 170p. ; 24cm. - (Routledge security in Asia Pacific)

327/AV 10893

085. *Changing power relations in Northeast AsiaImplications for relations between Japan and South Korea* / Ed.: Marie Soderberg. - New York : Routledge, 2011. - 188p. ; 24cm. - (European institute of Japanese studies, East Asian economics and business series)

327/AV 10896

086. *China, Europe and international security: Interests, roles, and prospects* / Ed.: Frans-Paul van der Putten, Chu Shulong. - New York : Routledge, 2011. - 216p. ; 24cm. - (Asian security studies)

327/AV 10895

087. *European - American relations and the Middle East: From Suez to Iraq* / Ed.: Daniel Mockli, Victor Mauer. - New York : Routledge, 2011. - 259p. ; 24cm. - (CSS studies in securiy and international relations)

327/AV 10905

088. *India and the South Asian strategic triangle* / Ashok Kapur. - New York : Routledge, 2011. - 213p. ; 24cm. - (Routledge security in Asia series)

327/AV 10908

089. *NATO and the Middle East: The geopolitical context post-9/11* / Mohammed Moustafa Orfy. - New York : Routledge, 2011. - 234p. ; 24cm. - (Routledge studies in Middle Eastern politics)

327/AV 10914

090. *Regional organizations in African security* / Ed.: Fredrik Soderbaum, Rodrigo Tavares. - New York : Routledge, 2011. - 154p. ; 25cm

327/AV 10923

091. *Strategic partnerships in Asia*: Balancing without alliances / *Vidya Nadkarni*. - New York : Routledge, 2010. - 255p. ; 24cm

327/AV 10927

092. *The EU - Russia strategic partnership*: The limits of post-sovereignty in international relations / *Hiski Haukkala*. - New York : Routledge, 2010. - 249p. ; 24cm. - (Routledge advances in international relations and global politics)

327/AV 10904

093. *Yugoslavia and the Soviet Union in the Early cold war*: Reconciliation, comradeship, confrontation, 1953-1957 / *Svetozar Rajak*. - New York : Routledge, 2011. - 271p. ; 24cm. - (Cold war history series)

327/AV 10929

094. *A Global security triangle*: European, African and Asian interaction / *Ed.: Valeria Bello, Belachew Gebrewold*. - New York : Routledge, 2010. - 256p. ; 24cm

327.03/AV 10906

095. *Armed conflicts in South Asia 2009*: Continuing violence, failing peace processes / *Ed.: D. Suba Chandran, P. R. Chari*. - New Delhi : Routledge, 2010. - 240p. ; 22cm

327.03/A 12850

096. *Building Asia's security* / *Nick Bisley*. - New York : IISS, 2009. - 159p. ; 24cm

327.03/AV 10930

097. *Contemporary State terrorism*: Theory and practice / *Ed.: Richard Jackson, Eamon Murphy, Scott Poynting*. - New York : Routledge, 2010. - 242p. ; 24cm. - (Critical terrorism studies)

327.03/AV 10898

098. *Counterterrorism policies in Central Asia* / *Mariya Y. Omelicheva*. - New York : Routledge, 2011. - 177p. ; 24cm. - (Central Asian studies)

327.03/AV 10900

099. *EU conflict management* / *Ed.: James Hughes*. - New York : Routledge, 2010. - 142p. ; 25cm. - (The Association for the study of nationalities)

327.03/AV 10902

100. *European security in a global context*: Internal and external dynamics / *Ed.: Thierry Tardy*. - New York : Routledge, 2009. - 236p. ; 24cm. - (Contemporary security studies)

327.03/AV 10903

101. *Global terrorism and new media*: The post-Al Qaeda generation / *Ed.: Philip Seib, Dana M. Janbek*. - New York : Routledge, 2011. - 139p. ; 24cm. - (Media, war and security)

327.03/AV 10907

102. *Intelligence and international security*: New perspectives and agendas / *Ed.: Len Scott, R. Gerald Hughes, Martin S. Alexander.* - New York : Routledge, 2011. - 173p. ; 25cm

327.03+341.186+355.03/AV 10911

103. *Legitimacy and the Use of armed force*: Stability missions in the post-cold war era / *Chiyuki Aoi.* - New York : Routledge, 2011. - 287p. ; 24cm. - (Contemporary security studies)

327.03/AV 10912

104. *Maritime security*: International law and policy perspectives from Australia and New Zealand / *Ed.: Natalie Klein, Joanna Mossop, Donald R. Rothwell.* - New York : Routledge, 2010. - 277p. ; 24cm

327.03+341.16/AV 10913

105. *Nuclear disarmament and Non-Proliferation*: Towards a nuclear-weapon-free world / *Sverre Lodgaard.* - New York : Routledge, 2011. - 263p. ; 24cm. - (Routledge global security studies)

327.03/AV 10917

106. *Nuclear proliferation and international order*: Challenges to the Non-Proliferation treaty / *Ed.: Olav Njolstad.* - New York : Routledge, 2011. - 282p. ; 24cm. - (Routledge global security studies)

327.03/AV 10916

107. *Security, law and borders*: At the limits of liberties / *Tugba Basaran.* - New York : Routledge, 2011. - 145p. ; 24cm. - (Routledge studies in Liberty and security)

327.03/AV 10925

108. *War, peace and progress in the 21st century*: Development, violence and insecurity / *Ed.: Mark T. Berger, Heloise Weber.* - New York : Routledge, 2011. - 276p. ; 25cm

327.03/AV 10928

109. *Routledge handbook of ethnic conflict* / *Ed.: Karl Cordell, Stefan Wolff.* - New York : Routledge, 2011. - 334p. ; 25cm

327.07/AV 10922

33 – Kinh tế. Khoa học kinh tế

110. *Chủ nghĩa tư bản, những bất ổn tiềm tàng*: Sách tham khảo / *Harry Shutt; Người dịch: Lê Phương Thúy.* - H. : Chính trị quốc gia, 2002. - 377tr. ; 21cm

33.013.5+33(T)2/69710

- 111. Những biến đổi kinh tế - xã hội của hộ gia đình / Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Mai. - H. : Khoa học xã hội, 2007. - 428tr. ; 21cm**
33(V)+32(V)1/69711
- 112. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm 1991 - 2000. - H. : Thống kê, 2001. - 248tr. ; 25cm**
33(V)/V 12132
- 113. Một số vấn đề về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam / Đỗ Hoài Nam chủ biên. - H. : Khoa học xã hội, 2003. - 305tr. ; 24cm**
33(V)0/V 12147
- 114. Thái Nguyên - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI= Thai Nguyen - New image in century XXI / Chu Viết Luân chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2005. - 679tr. ; 27cm.**
33(V119)+91(V119)/V 12090
- 115. Thừa Thiên - Huế - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI= Thua Thien - Hue - New image in century XXI / Chu Viết Luân chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2004. - 575tr. ; 27cm.**
33(V217)+91(V217)/V 12091
- 116. Việt Nam: Sẵn sàng gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO): Kỷ yếu diễn đàn Hà Nội, 3-4/6/2003. TP. Hồ Chí Minh, 6-7/6/2003. - H. : Khoa học xã hội, 2004. - 511tr. ; 28cm**
33(V)8/V 12037
- 117. Vấn đề cộng đồng kinh tế ASEAN và ASEAN mở rộng: Tài liệu bồi dưỡng về hội nhập kinh tế quốc tế. - H. : Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công thương Trung ương, 2009. - 214tr. ; 29cm**
33(T)/T 22600
- 118. Quan điểm, giải pháp xây dựng và phát huy nguồn lực trí tuệ Việt Nam phục vụ sự nghiệp chấn hưng đất nước: Chương trình KX 03.06-10: Đề tài KX.22/06-10. - H. : Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, 2010. - tr. ; 29cm**
331(V)/T 22599
- 119. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp - nông dân - nông thôn thời kỳ 1997 - 2007 / Hồ Xuân Hùng. - H. : Chính trị quốc gia, 2008. ; 27cm**
T.2 : Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp - nông dân - nông thôn thời kỳ 1997 – 2007 - 1444tr.
333(V)/V 12088
T.3 : Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp - nông dân - nông thôn thời kỳ 1997 - 2007 (Tiếp theo) - 1108tr.
333(V)/V 12089

120. Bí quyết kinh doanh - Con đường dẫn đến thành công của doanh nhân và doanh nghiệp. - H. : Lao động, 2011. - 478tr. ; 28cm

335.1+34(V)21/V 12152/V 12153

121. Báo cáo kiểm toán niên độ ngân sách năm 2004. - H. : [Knxb], 2006. - 284tr. ; 29cm

336.1+317.7/V 12111

122. Chính sách an ninh năng lượng của Mỹ đầu thế kỷ XXI: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / Hà Văn Dương. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 102tr. ; 29cm

338.1:6C2/LAV 6359

123. Lịch trình giảm thuế của Việt Nam để thực hiện khu vực mậu dịch tự do Asean - AFTA. - H. : Tài chính, 1998. - 337tr. ; 30cm

339(V)+327.51/V 12136

124. Sổ tay về phát triển thương mại và WTO: Sách tham khảo / Bernard Hoekman chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2004. - 613tr. ; 27cm

339.52/V 12042

34 – Pháp luật

125. 3399 hành vi vi phạm pháp luật trong tổ chức, doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2011. - H. : Lao động, 2011. - 542tr. ; 28cm

34(V)/V 12162/V 12163

126. Bàn về lập hiến / Phạm Văn Hùng. - H. : Lao động, 2010. - 563tr. ; 24cm

34(V)/V 12151

127. Hướng dẫn kỹ thuật soạn thảo 207 mẫu hợp đồng kinh tế mới nhất trong kinh doanh. - H. : Lao động, 2011. - 510tr. ; 28cm

34(V)/V 12178/V 12179

128. Hướng dẫn mới nhất về kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản dành cho cơ quan hành chính, các tổ chức đảng, đoàn thể - 320 mẫu văn bản thông dụng. - H. : Lao động, 2011. - 527tr. ; 28cm

34(V)/V 12170

129. Kỷ yếu hội thảo quy trình xây dựng luật, pháp lệnh (Tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 7 năm 2004). - H. : [Knxb], 2004. - 153tr. ; 27cm

34(V)/V 12077

130. Kỷ yếu hội thảo sáng kiến pháp luật và việc chuẩn bị chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (Tại thành phố Hải Phòng ngày 30/9 và 01/10/2004). - H. : [Knxb], 2004. - 153tr. ; 27cm

34(V)/V 12078

131. Pháp luật tương trợ tư pháp quốc tế: Tài liệu tham khảo xây dựng dự án luật tương trợ tư pháp. - H. : Tư pháp, 2006. - 531tr. ; 24cm

34(V)/V 12145

132. Quốc hội và các thiết chế trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam / Phạm Văn Hùng chủ biên. - H. : Lao động, 2009. - 501tr. ; 24cm

34(V)/V 12150

133. Cẩm nang dành cho lãnh đạo HĐND và UBND - Luật bầu cử và các văn bản mới nhất hướng dẫn tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016. - H. : Lao động, 2011. - 495tr. ; 28cm

34(V)041/V 12173

134. Đại biểu quốc hội và bầu cử đại biểu quốc hội / Phan Trung Lý chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 382tr. ; 21cm

34(V)041.1/69819

135. Đại biểu quốc hội - Những điều cần biết. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2007. - 183tr. ; 25cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12126

136. Hệ thống hoá các văn bản quy định chế độ chi tiêu và các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động của các cơ quan quốc hội, đoàn đại biểu quốc hội, đại biểu quốc hội, văn phòng quốc hội. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2007. - 273tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12124

137. Kỷ yếu của Quốc hội khoá XI - Kỳ họp thứ mười một (từ ngày 20 - 3 đến ngày 02 - 4 - 2007). - H. : Văn phòng Quốc hội, 2007. - 590tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.11

34(V)042.1/V 12072

138. Kỷ yếu của Quốc hội khoá XII - Kỳ họp thứ ba (từ ngày 06 - 05 đến ngày 03 - 06 - 2008). - H. : Văn phòng Quốc hội, 2008. - 782tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.3

34(V)042.1/V 12071

139. Kỷ yếu hoạt động của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội khoa XI (2002 - 2007). - H. : Thông tấn, 2007. - 1266tr. ; 29cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12085

140. Kỷ yếu kỳ họp thứ bảy - Quốc hội khoá XI (5/5/2005 - 14/6/2005) về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri và thực hiện lời hứa của các bộ, ngành tại kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2005. - 527tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12059

141. Kỷ yếu kỳ họp thứ bảy Quốc hội khoá XII (20/5/2010 - 19/6/2010) về kết quả giải quyết và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khoá XII. -

H. : Ban dân nguyện, 2010. - 403tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.2

34(V)042.1/V 12068

142. Kỷ yếu kỳ họp thứ hai - Quốc hội khoá XI - Phần về kiến nghị của cử tri và chất vấn của đại biểu quốc hội. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2003. - 1424tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12055

143. Kỷ yếu kỳ họp thứ tư - Quốc hội khoá XI (21/10/2003 - 28/11/2003) về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri và thực hiện lời hứa của các bộ, ngành tại kỳ họp thứ ba - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2004. - 702tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12056

144. Kỷ yếu kỳ họp thứ năm - Quốc hội khoá XI (11/5/2004 - 16/6/2004) về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri và thực hiện lời hứa của các bộ, ngành tại kỳ họp thứ tư - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2004. - 746tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12057

145. Kỷ yếu kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khoá XI (25/10/2004 - 3/12/2004) về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri và thực hiện lời hứa của các bộ, ngành tại kỳ họp thứ năm - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2005. - 443tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12058

146. Kỷ yếu kỳ họp thứ chín - Quốc hội khoá XI (16/5/2006 - 29/6/2006) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ tám - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2006. - 490tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12060

147. Kỷ yếu kỳ họp thứ mười - Quốc hội khoá XI (17/10/2006 - 29/11/2006) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ chín - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2007. - 435tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12061

148. Kỷ yếu kỳ họp thứ mười một - Quốc hội khoá XI (20/3/2007 - 04/4/2007) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ mười - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2007. - 375tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12062

149. Kỷ yếu kỳ họp thứ nhất - Quốc hội khoá XII (19/7/2007 - 04/8/2007) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ mười một - Quốc hội khoá XI. - H. : Ban dân nguyện, 2007. - 212tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12063

150. Kỷ yếu kỳ họp thứ tư - Quốc hội khoá XII (16/10/2008 - 15/11/2008) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ ba - Quốc hội khoá XII. - H. : Ban dân nguyện, 2008. - 524tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12064

151. Kỷ yếu kỳ họp thứ năm - Quốc hội khoá XII (20/5/2009 - 20/6/2009) về việc các bộ, ngành, cơ quan thuộc chính phủ trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ tư - Quốc hội khoá XII. - H. : Ban dân nguyện, 2009. - 440tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12065

152. Kỷ yếu kỳ họp thứ năm Quốc hội khoá XII - Phần về chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu quốc hội. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2009. - 1163tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12069

153. Kỷ yếu kỳ họp thứ sáu - Quốc hội khoá XII (20/5/2010 - 19/6/2010) về kết quả giải quyết và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ năm - Quốc hội khoá XII. - H. : Ban dân nguyện, 2009.; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.1 - 418tr.

34(V)042.1/V 12066

T.2 - 367tr.

34(V)042.1/V 12067

154. Kỷ yếu kỳ họp thứ tư Quốc hội khoá XII - Phần về chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu quốc hội. - H. : Văn phòng Quốc hội. - 1167tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12070

155. Kỷ yếu tổ chức và hoạt động của Ban công tác đại biểu (2003 - 2007). - H. : [Knxb], 2007. - 409tr. ; 27cm

34(V)042.1/V 12084

156. Kỷ yếu tổng kết nhiệm kỳ quốc hội khoá X. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2002. - 352tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12081

157. Kỹ yếu tổng kết nhiệm kỳ quốc hội khoá XI (tại kỳ họp thứ 11, quốc hội khoá XI). -

H. : [Knxb], 2007. - 431tr. ; 30cm

Lưu hành nội bộ

34(V)042.1/V 12082

158. Văn kiện Quốc hội toàn tập. - H. : Chính trị quốc gia, 2006.; 24cm

T.1 : 1945 – 1960 - 1567tr.

34(V)042.1/V 12047

T.2 : 1960 – 1964 - 1723tr.

34(V)042.1/V 12048

T.3 : 1964 – 1971 - 1375tr.

34(V)042.1/V 12049

T.5 : 1976 – 1981 - 1542tr.

34(V)042.1/V 12050

T.6 : 1981 - 1987. Q.1: 1981 – 1983 - 1402tr.

34(V)042.1/V 12051

T.6 : 1981 - 1987. Q.2: 1984 – 1987 - 1551tr.

34(V)042.1/V 12052

T.7 : 1987 - 1992. Q.1: 1987 – 1989 - 1480tr.

34(V)042.1/V 12053

T.7 : 1987 - 1992. Q.2: 1989 – 1990 - 1772tr.

34(V)042.1/V 12054

159. Biên niên lịch sử Bộ Nội vụ (1945 - 2005). - H. : Nxb. Đại học sư phạm, 2007. -

516tr. ; 24cm

34(V)(09)/V 12148

160. Luật thanh tra - Quy trình tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng. - H. : Lao động, 2011. - 521tr. ; 28cm

34(V)1/V 12158/V 12159

161. 885 tình huống giải đáp về chế độ chính sách - công tác điều tra - an ninh trật tự - Tạm giam, tạm giữ - xử phạt vi phạm trong tình hình mới. - H. : Lao động, 2011. - 518tr. ; 28cm

34(V)134/V 12172

162. Hướng dẫn phân tích tài chính - Quy định mới về huy động và cho vay vốn các tổ chức tài chính, tín dụng, ngân hàng năm 2011. - H. : Tài chính, 2011. - 479tr. ; 28cm

34(V)8+336(V)/V 12203/V 12204

163. 21 chuẩn mực kiểm toán nhà nước mới - Những quy định mới về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong các đơn vị hành chính sự nghiệp năm 2011. - H. : Tài chính, 2011. - 509tr. ; 28cm

34(V)81+317.7/V 12208

164. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước 2011 và quy định mới về quản lý tài chính công, lập dự toán thu, chi dành cho cơ quan hành chính sự nghiệp. - H. : Lao động, 2011. - 503tr. ; 28cm

34(V)81+317.7/V 12171

165. Hệ thống mục lục ngân sách sửa đổi, bổ sung năm 2011 và nguyên tắc thu, chi, sử dụng ngân sách thực hiện kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. - H. : Lao động, 2011. - 576tr. ; 28cm

34(V)81/V 12176/V 12177

166. Hướng dẫn chi tiết các qui định pháp luật có lợi trong kinh doanh dành cho giám đốc, chủ doanh nghiệp năm 2011 / Phạm Hùng. - H. : Lao động, 2011. - 490tr. ; 27cm

34(V)82+335.1/V 12166/V 12167

167. Hỏi - đáp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động / Lê Thanh Nga chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 495tr. ; 21cm

34(V)9/69814/69815

168. Các văn bản quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và những chính sách có liên quan. - H. : [Knxb], 2009. - 1182tr. ; 27cm

34(V)96/V 12110

169. Hướng dẫn thi hành luật cán bộ, công chức, viên chức - Tiêu chuẩn, chế độ chính sách tuyển dụng bổ nhiệm và xử lý kỷ luật, thôi việc mới nhất. - H. : Lao động, 2011. - 498tr. ; 28cm

34(V)9+34(V)1/V 12154/V 12155

170. Tổ chức và hoạt động của quốc hội một số nước. - H. : Văn phòng Quốc hội, 2002. - 315tr. ; 24cm

34(N)/V 12121

171. Kỷ yếu hội thảo điều ước quốc tế và vai trò của cơ quan lập pháp (Các ngày 5, 6 tháng 4 năm 2005). - H. : [Knxb], 2005. - 175tr. ; 30cm

341/V 12079

172. Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc / Vũ Dương Ninh chủ biên. - H. : Công an nhân dân, 2010. - 422tr. ; 24cm

341.15/V 12134

173. Пограничная служба России: Энциклопедия. Формирование границ. Нормативная база. Структура. Символы. - М. : Ассоциация "Военная книга", 2009. - 624с. ; 24cm

341.15(03)+355(N519.1)78(03)/XV 3882

36 – Bảo trợ xã hội. Bảo hiểm

174. Chính sách và chiến lược giảm bất bình đẳng và nghèo khổ. - H. : Chính trị quốc gia, 2003. - 298tr. ; 24cm

36/V 12097

175. Quá trình hình thành và phát triển bảo hiểm y tế Việt Nam. - H. : Nxb.Hà Nội, 2002. - 384tr. ; 24cm

368/V 12140

37 – Giáo dục

176. Ngành giáo dục - đào tạo thực hiện nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VIII) và nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX. - H. : Giáo dục, 2002. - 275tr. ; 24cm

37(V)+34(V)15/V 12144

177. Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012. - H. : Giáo dục, 2010. - 240tr. ; 24cm

378(V)/V 12143

38 – Văn hóa

178. Sự phát triển văn hoá và con người ở một số nước Đông Á - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế: Báo cáo tổng quan đề tài cấp nhà nước: KX03/06/10 / Đỗ Tiến Sâm chủ nhiệm. - H. : Bộ khoa học và công nghệ, 2010. - 409tr. ; 29cm

38(N41)/T 22598

179. Văn hoá Đức - Tiếp xúc và cảm nhận / Trần Dương. - H. : Thế giới, 2011. - 478tr. ; 24cm

38(N521)+8(N521)/V 12217/V 12218

355 - QUÂN SỰ

180. Các văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. - H. : Cục Chính sách - Bộ quốc phòng. - 708tr. ; 27cm

355:34/V 12039

181. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quốc phòng. - H. : Quân đội nhân dân, 2002.; 27cm

Lưu hành nội bộ

T.3 - 952tr.

355:34/V 12106

T.4 - 931tr.

355:34/V 12107

182. Nghiên cứu cơ bản các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành từ 1991 đến 2003 - Dự báo về chiến tranh tương lai / Cao Xuân Quyền chủ biên. - H. : Viện 70 - Tổng cục II, 2005. - 451tr. ; 24cm

Lưu hành nội bộ

355.01+355(N711)/V 12120

183. Những chiến công thầm lặng. - H. : [Knxb], 2008. - 95tr. ; 27cm

355.03+355(V)(092)/V 12139

184. Atrocity and American military Justice in Southeast Asia: Trial by army / Louise Barnett. - New York : Routledge, 2010. - 278p. ; 24cm. - (Routledge Studies in the Modern history of Asia)

355+327.03/AV 10892

185. Private security contractors and new wars: Risk, law, and ethics / Kateri Carmola. - New York : Routledge, 2010. - 189p. ; 24cm. - (Contemporary security studies)

355/AV 10919

186. The politics of conflict: A Survey / Ed.: Vassilis K. Fouskas. - New York : Routledge, 2011. - 288p. ; 24cm

355/AV 10920

187. Reimagining war in the 21st century: From Clausewitz to network-centric warfare / Manabrata Guha. - New York : Routledge, 2011. - 232p. ; 24cm. - (Routledge critical security studies)

355.01/AV 10921

188. Intelligence: Critical concepts in military, strategic & security studies / Ed.: Loch K. Johnson. - New York : Routledge, 2011.; 24cm

Vol.1 : The Collection and analysis of National Security Intelligence - 376p.

355.03/AV 10931

Vol.2 : Covert action: The Aggressive arm of National Security Intelligence - 458p.

355.03/AV 10932

Vol.3 : Counterintelligence: Shield for National Security Intelligence - 468p.

355.03/AV 10933

Vol.4 : Holding National Security Intelligence Accountable - 392p.

355.03/AV 10934

189. International encyclopaedia of military, security and Intelligence Agencies / A. P. Gupta, Suresh Goel. - New Delhi : MD Publications Pvt Ltd, 2009.; 25cm

Vol.1 - 504p.

355(03)+32(03)/AV 10935

Vol.2 - 504p.

355(03)+32(03)/AV 10936

Vol.3 - 504p.

355(03)+32(03)/AV 10937

Vol.4 - 504p.
355(03)+32(03)/AV 10938
Vol.5 - 504p.
355(03)+32(03)/AV 10939
Vol.6 - 504p.
355(03)+32(03)/AV 10940
Vol.7 - 472p.
355(03)+32(03)/AV 10941

190. Искусство войны: Антология военной мысли. - Санкт-Петербург : Амфора, 2009. - 542с. ; 21см. - (Александрийская библиотека)
355.01/X 26839

191. Военная контрразведка От "Смерша" до контртеррористических операций. - М. : Кучково поле, 2010. - 400с. ; 21см
355.03+N(519.1)4/X 26846

192. Искусство войны: Основы Китайской военной стратегии / *Сунь-Цзы*. - М. : ДИЛЯ, 2010. - 96с. ; 20см
Пер с англ
355.03/X 26841

193. Стратегия и тактика в военном искусстве / Генрих Жомини. - М. : Центрполиграф, 2009. - 414с. ; 21см
355.03/X 26838

194. Террористическое и нетрадиционное оружие. - М. : Моркнига, 2009. - 224с. ; 17см. - (Справочник "Оружие мира")
355.9(083)/X 26840

355(V) – Các lực lượng vũ trang Việt Nam

195. Kỹ yếu hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện nghị định 15/2001/NĐ-CP về giáo dục quốc phòng (2000 - 2005). - H. : [Knxb], 2005. - 283tr. ; 27cm
Lưu hành nội bộ
355(V)/V 12083

196. Kỹ yếu hội thảo hoạt động lãnh đạo của tỉnh (thành) uỷ trong chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến và trong tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. - H. : [Knxb], 2009. - 296tr. ; 27cm
Lưu hành nội bộ
355(V)/V 12074

197. Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ quân đội nhân dân Việt Nam cơ quan Tổng cục Chính trị. - H. : Quân đội nhân dân, 2007.; 27cm.
Lưu hành nội bộ

T.1 : Văn phòng Tổng cục, Cục Chính trị, Cục Hậu cần. - 183tr.

355(V)/V 12098

T.2 : UBKTDUQSTU, Cục Cán bộ, Cục Tổ chức, Cục Tư tưởng-Văn hoá. - 198tr.

355(V)/V 12099

T.3 : Cục Dân vận, Cục Chính sách, Ban Công đoàn quốc phòng, Ban Thanh niên quân đội, Ban Phụ nữ quân đội. - 139tr.

355(V)/V 12100

198. Quân đội nhân dân Việt Nam trên mặt trận sản xuất, xây dựng kinh tế. - H. : Quân đội nhân dân, 2004. - 739tr. ; 27cm

338.79+355(V)/V 12105

199. 20 năm tạp chí lịch sử quân sự - Tổng mục lục (1982 - 2002). - H. : Quân đội nhân dân, 2002. - 766tr. ; 27cm

355(V)(09)+016:355/V 12103

200. Bộ Tổng Tham mưu 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1945 - 2005): Sách ảnh. - H. : Quân đội nhân dân, 2005. - 393tr. ; 30cm

Lưu hành nội bộ

355(V)(09)/V 12108

201. Sư đoàn Vinh Quang - 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (10/3/1950 - 10/3/2010). - H. : Thông tấn, 2010. - 130tr. ; 25cm

355(V)(09)/V 12138

202. Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Danh tướng kiệt xuất mọi thời đại / Nguyễn Đức Cường sưu tầm. - H. : Thời đại, 2011. - 403tr. ; 27cm

355(V)(092)/V 12198/V 12199

203. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chân dung một huyền thoại. - H. : Chính trị - Hành chính, 2011. - 299tr. ; 27cm

Ảnh minh họa

355(V)(092)/V 12194/V 12195

204. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng của thời đại (Qua tư liệu nước ngoài): Sách tham khảo / Nguyễn Văn Sự biên soạn. - H. : Quân đội nhân dân, 2010. - 711tr. ; 24cm

355(V)(092)/V 12196/V 12197

205. Biên niên sự kiện Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) / Nguyễn Thành Hữu chủ biên. - H. : Quân đội nhân dân, 2010. - 497tr. ; 27cm.

Lưu hành nội bộ

T.9 : 1973

355(V)(09)22/V 12102

206. Lịch sử Bộ tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: (1954 - 1975).

- H. : Quân đội nhân dân, 2003.; 22cm

Lưu hành nội bộ

T.1 - 392tr.

355(V)(09)22/69689

T.2 - 436tr.

355(V)(09)22/69690

207. Công tác binh vận Đắc Lắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Tp. Hồ

Chí Minh : Nxb.Trẻ, 2001. - 159tr. ; 20cm

355(V)13+355(V)(09)22/69692

208. Một số văn bản về công tác thương binh, liệt sĩ và hậu phương quân đội. - H. :

Quân đội nhân dân, 2002. - 219tr. ; 27cm

Lưu hành nội bộ

355(V)13+355:34/V 12104

209. Tiếp tục xây dựng Quân đội nhân Việt Nam vững mạnh về chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới / Lê Văn Dũng. - H. : Quân đội nhân dân, 2009. - 428tr. ; 21cm

355(V)13/69691

210. Hoạt động lãnh đạo của tỉnh (thành) uỷ trong chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến và trong tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố: Tài liệu hội thảo.

- H. : Tổng cục Chính trị, 2009. - 120tr. ; 29cm

Lưu hành trong Hội thảo khu vực phía Bắc

355(V)58/T 22734

211. Bảo đảm giao thông vận tải - Nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân ở Đồng bằng sông Cửu Long trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975): Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H. : Phương Đông, 2006. - 559tr. ; 24cm

355(V)728+355(V)(09)22/V 12133

355(N) – Các lực lượng vũ trang nước ngoài

212. Cuộc cách mạng về học thuyết quân sự của Trung Quốc: Sách tham khảo nghiệp vụ / Chủ biên: Giêm Mun-ve-non, Đa-vit M. Phinh-ken-xtên. - H. : Tổng cục II-BQF, 2007. - 636tr. ; 19cm

Lưu hành nội bộ

355(N414)/69705

213. Vùng biển động ở Châu Á: Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 66tr. ; 29cm

355(N414)75+341.16/T 22609

214. Ápganixtan - cuộc chiến kéo dài nhất: Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 103tr. ; 29cm

355(N471)+327.03/T 22605

215. Báo cáo đánh giá quốc phòng bốn năm một lần năm 2010 của Bộ Quốc phòng Mỹ:
Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 126tr. ; 29cm
355(N711)/T 22602

216. Thông báo lực lượng vũ trang nước ngoài năm 2009. - H. : Tổng Cục II-Bộ quốc phòng, 2009. - 342tr. ; 27cm
Lưu hành nội bộ
355(T)/V 12043

217. Indian naval strategy in the twenty-first century / James R. Holmes, Andrew C. Winner, Toshi Yoshihara. - New York : Routledge, 2009. - 232p. ; 24cm. - (Cass series: Naval policy and history)
355(N461)75/AV 10909

218. Justifying America's wars: The conduct and practice of US military intervention / Nicholas Kerton-Johnson. - New York : Routledge, 2011. - 191p. ; 24cm. - (Contemporary security studies)
355(N711)+355/AV 10910

219. Space and defense policy / Ed.: Damon Coletta, Frances T. Pilch. - New York : Routledge, 2009. - 350p. ; 24cm. - (Space power and politics)
355(N711)/AV 10926

220. Миротворцы: Спецслужбы в локальных конфликтах. - Минск : Современ. школа, 2010. - 352с. ; 21см
355(N)+327.03/X 26851

221. Борьба с НВФ. СССР, Россия и НАТО в локальных конфликтах. - Минск : Современ. школа, 2010. - 352с. ; 21см. - (Серия "Арсенал")
355(N519.1)+327.03/X 26844

222. Бронетехника России / Ф. С. Рыков. - М. : ООО "Дом Славянской книги", 2009. - 480с. ; 27см
355(N519.1)722/XV 3877

223. НВФ. Боевые действия на Кавказе. - Минск : Современ. школа, 2010. - 288с. ; 21см. - (Серия "Арсенал")
355(N519.1)+355(N519)+327.03/X 26843

224. Оружие России / А. А. Гитун, С. С. Щеголев, И. А. Пивоварова. - 3-е изд., доп. и исправ.. - М. : ООО "Дом Славянской книги", 2009. - 576с. ; 27см
355(N519.1)7+355.9/XV 3880

225. *Рукопашный бой* Секреты спецназа / И. В. Сурков. - Харьков : Клуб Семейного Досуга, 2010. - 352с. ; 21см

355(N519.1)5/X 26849

226. *Стрелковое оружие России* / В. Н. Шунков. - 2-е изд.. - Минск : Современ. школа, 2010. - 384с. ; 21см. - (Серия "Арсенал")

355(N519.1)721/X 26837

227. *Уроки инструктора спецназа: Прицельная стрельба, боевая акробатика, навыки выживания, психотехники* / Ю. Серебрянский. - Минск : Современ. школа, 2009. - 256с. ; 17см. - (Школа спецназа)

355(N519.1)5/X 26850

355.7 – Các quân chủng, binh chủng và quân vụ

228. *Tác chiến điện tử - Lịch sử phát triển với các ví dụ qua 8 thập kỷ*: Tài liệu tham khảo / Konrad Guthrtd, Heint Dornenburg. - H. : Cục tác chiến điện tử, 1997. - 248tr. ; 20cm

Lưu hành nội bộ

355.726/69694

229. *Tác chiến điện tử*: Quá khứ, hiện tại và tương lai: Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 157tr. ; 29cm

355.726/T 22607

230. *Sử dụng chiến tranh công nghệ cao trong tác chiến trên biển*: Tài liệu tham khảo. - H. : Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2010. - 80tr. ; 29cm

Lưu hành nội bộ

355.75/T 22604

231. *International encyclopaedia of bioterrorism and biological weapons* / Elyas. - New Delhi : MD Publications Pvt Ltd, 2008.; 22cm

Vol.1 - 304p.

355.727(03)+327.03(03)/A 12852

Vol.2 - 408p.

355.727(03)+327.03(03)/A 12853

232. *Приемы стрельбы из пистолета*: Практика СМЕРШа / А. Потапов. - М. : ФАИР, 2009. - 576с. ; 21см. - (Спецназ)

355.721/X 26845

233. *Энциклопедия пистолетов, револьверов и автоматов* / У. Фаулер, Э. Норт, Ч. Строндж; Перевод.: В. Скоробогатов. - Харьков : Клуб Семейного Досуга, 2010. - 256с. ; 30cm

Пер. с англ.

355.721(03)/XV 3879

234. *Tanki*: Стальная броня стран мира / Майкл Грин, Джейме Д. Браун, Кристоф Валлье. - Харьков : Клуб Семейного Досуга, 2010. - 191с. ; 22cm
355.722/X 26842

235. *Артиллерия*: Иллюстрированная энциклопедия / Крис Шант; Перевод.: С. Кожанов. - М. : Омега, 2009. - 256с. ; 30cm
Пер с англ.
355.723(03)/XV 3878

236. *Суперистребители*: Новое поколение боевых самолетов. Иллюстрированная энциклопедия / Глав. ред.: Мел Уильямс; Перевод.: Виктор Беляев. - М. : Омега, 2009. - 144с. ; 30cm
Пер. с англ.
355.748(03)/XV 3881

4 - NGÔN NGỮ HỌC

237. *Các phương tiện thể hiện hành động bác bỏ trong tiếng Thái và tiếng Việt* / Siri Wong Hong Sawan. - H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2010. - 270tr. ; 24cm
4(V)+4(N443)/V 12209/V 12210

55 - ĐỊA CHẤT HỌC

238. *Kỷ yếu hội thảo đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu*: Cơ hội và tác động về kinh tế đối với Việt Nam. - H. : [Knxb], 2009. - 172tr. ; 30cm
551/V 12080

61 - Y HỌC - Y TẾ

239. *Sổ tay cán bộ quản lý công tác y tế học đường - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong nhà trường năm 2011*. - H. : Y học, 2011. - 495tr. ; 28cm
613.5+34(V)15/V 12202

9 - LỊCH SỬ

240. *Nhân tố Trung Quốc trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 - 1954)*: Luận văn thạc sĩ quan hệ quốc tế: 60.31.40 / Nguyễn Tuấn Anh. - H. : Học viện ngoại giao, 2010. - 115tr. ; 29cm
9:327/LAV 6356

241. *Quyền lực, tham vọng, vinh quang* / Steve Forbes, John Prevas; Vũ Thanh Tùng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2011. - 338tr. ; 23cm
9(T)+335.1/V 12211/V 12212

- 242. *Việt Nam và những tấm lòng bè bạn* / Chủ biên: Thuý Toàn, Phạm Văn Chương. - H. : Chính trị quốc gia, 2006. - 559tr. ; 27cm
9(T)(092)+327.53+355(V)(09)/V 12109**
- 243. *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*. - H. : [Knxb], 2001. - 610tr. ; 24cm
9(V)1/V 12128**
- 244. *Ký ức về những ngày độc lập đầu tiên 1945 - 1946*. - H. : Thời đại, 2010. - 199tr. ; 23cm
Sách ảnh
9(V)2/V 12200/V 12201**
- 245. *Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam bộ kháng chiến 1945 - 1975*. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 1319tr. ; 24cm
9(V)2/V 12185**
- 246. *Chính sách thực dân của Anh ở Ấn Độ từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XX*: Luận án tiến sỹ lịch sử: 62.22.50.05. - H. : Bộ giáo dục đào tạo, 2010. - 207tr. ; 29cm
9(N461)/LAV 6345**
- 247. *China, Xinjiang and Central Asia History, transition and crossborder interaction into the 21st century* / Ed.: Colin Mackerras, Michael Clarke. - New York : Routledge, 2009. - 194p. ; 24cm. - (Routledge contemporary China series)
9(N4)+327/AV 10897**
- V - TÁC PHẨM VĂN HỌC**
- 248. *Chiến khu Đ của tôi* / Nguyễn Hùng. - Đồng Nai : Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2002. - 178tr. ; 19cm
V24+355(V)(09)21/69693**
- 249. *Đất nước qua những chặng đường làm báo* / Hồng Vinh. - H. : Chính trị quốc gia, 2007. - 646tr. ; 24cm
V24+002.6/V 12092**
- 250. *Dương Văn Minh - Tổng thống cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn* / Nguyễn Trần Thiết. - H. : Văn hóa thông tin, 2011. - 559tr. ; 24cm
V24+355(VM)/V 12213/V 12214**
- 251. *Gương sáng làm theo lời Bác* / Lê Minh Nghĩa chủ biên. - H. : Chính trị quốc gia, 2011. - 238tr. ; 21cm
V24/69818**
- 252. *Tuyển tập Hồng Chương*. - H. : [Knxb], 2003. - 529tr. ; 24cm
VT/V 12131**

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Cuộc đời và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gắn liền với quá trình xây dựng và trưởng thành của Quân đội Nhân dân Việt nam. Đề tài về Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Đã có rất nhiều tác phẩm viết về Đại tướng, nhưng phần lớn độc giả Việt nam chủ yếu mới được tiếp cận với các tác phẩm của tác giả trong nước. Trong khi đó, nhiều học giả, nhà nghiên cứu, các tướng lĩnh ngoài nước đặc biệt là người Pháp và người Mỹ đã bày tỏ sự ngưỡng mộ và không tiếc lời ngợi ca tài năng, đức độ của vị Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam. Nhằm giúp bạn đọc Việt Nam được tiếp cận với sách báo, tư liệu nước ngoài về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân biên tập, xuất bản cuốn sách ***“Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Danh tướng của thời đại (qua tư liệu nước ngoài)”*** (do Nguyễn Văn Sự biên soạn). Cuốn sách dày 711 trang, sưu tầm, tập hợp các nguồn tư liệu phong phú, hấp dẫn, độc đáo phản ánh những phát hiện, góc nhìn từ phía đối phương cũng như của bạn bè quốc tế về cuộc đời, con người và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người được vinh danh là *Vị tướng của hoà bình, Danh tướng của thời đại*. Công trình ra đời vào dịp mừng thọ Đại tướng, người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam tròn 100 tuổi – là món quà thực sự có ý nghĩa kính tặng Đại tướng.

Như trong *Lời giới thiệu* cuốn sách đã viết, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, con người tuy chưa qua trường lớp quân sự nào nhưng đã đánh bại hàng chục danh tướng của các đội quân nhà nghề Pháp, Mỹ, trong 30 năm cầm quân đã giành được những chiến công vang dội, không những làm bạn bè mà cả đối phương thua trận cũng phải bày tỏ lòng kính trọng và mến phục. Chính vì vậy, các tác giả nước ngoài đã dày công nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, nhiều người đã cất công sang Việt Nam để trực tiếp gặp và phỏng vấn Đại tướng, tiếp xúc với nhiều nhà nghiên cứu và sử gia Việt Nam, tiếp cận cả các nguồn tư liệu ngoài chính sử để có cái nhìn đa chiều về một con người huyền thoại. Tuy tiếp cận từ nhiều nguồn tư liệu có những nhận định khác nhau, nhưng nhìn chung các tác giả đều có sự đánh giá khá đồng thuận, chân thực về con người, nhân cách và sự cống hiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gắn liền với lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam với những lời ngợi ca như *“thiên tài quân sự”, “nhà quân sự lỗi lạc, vị tướng tài ba”, một trong những vị thống soái lớn của mọi thời đại”, “một trong 21 vị danh tướng của thế giới”*

Sách gồm 5 phần, được bố cục theo thứ tự thời gian diễn biến cuộc đời hoạt động cách mạng của Đại tướng

Phần 1: Tuổi trẻ

Phần 2: Giành độc lập

Phần 3: Đường tới Điện Biên Phủ

Phần 4: Tiến về Sài Gòn

Phần 5: Vị Tướng của hoà bình

Đây là tài liệu bổ ích với nhiều đối tượng, từ các nhà nghiên cứu, sử gia, nhà báo... đến tất cả những ai muốn tìm hiểu về cuộc đời và con người Đại tướng Võ Nguyên Giáp – nhân vật đã trở thành huyền thoại của thế kỷ XX.

2. Sau sự kiện 11/9/2001 ở Mỹ, thuật ngữ *an ninh phi truyền thống* được sử dụng ngày một nhiều, dù không ai biết thuật ngữ này được bắt đầu dùng từ bao giờ. Hiện nay trong bối cảnh thế giới đang đứng trước tính hình đe dọa của an ninh phi truyền thống không ngừng tăng lên, vấn đề an ninh quốc tế ngày càng đa dạng hoá, môi trường an ninh của con người ngày càng phức tạp. Vì thế, vấn đề an ninh phi truyền thống được hầu hết các chính phủ trên thế giới đề cập, các học giả và những người thực thi chiến lược, chính sách quốc gia đã và đang dành sự chú ý thích đáng cho vấn đề này bởi đây không còn là vấn đề lý luận thuần tuý trên thế giới sau thời kỳ chiến tranh lạnh mà đã trở thành vấn đề chính sách với thực tiễn vô cùng cấp bách mà các nước đang gặp phải. Vấn đề an ninh phi truyền thống được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau phụ thuộc vào lập trường, quan điểm chính trị, nhưng nhìn chung các học giả đều gặp nhau trên những điểm cơ bản.

Cuốn sách **“Bàn về an ninh phi truyền thống”**, tác giả Lục Trung Vĩ chủ biên (do Quách Hải Lượng, Đoàn Sự, Hồng Linh dịch; Viện Chiến lược và Khoa học Công an - Bộ Công an chịu trách nhiệm xuất bản năm 2006) là một công trình khoa học lớn, đề cập khá sâu sắc, toàn diện về vấn đề *an ninh phi truyền thống*. Nhiều vấn đề được tác giả mổ xẻ, phân tích có sức thuyết phục. Tuy có một số vấn đề không phù hợp với quan điểm, ý kiến của chúng ta nhưng nhìn chung đây là công trình khoa học có giá trị nghiên cứu, tham khảo.

Toàn bộ cuốn sách dày 557 trang, bố cục 18 chương ngoại trừ chương thứ nhất - chương tổng luận - trong đó chủ yếu đề cập đến khái niệm và các lý luận cơ bản, các chương còn lại đi sâu phân tích và trình bày từng vấn đề an ninh phi truyền thống cụ thể nằm trong các phạm trù lớn là an ninh kinh tế (an ninh năng lượng, an ninh khoa học kỹ thuật, an ninh môi trường sinh thái...), an ninh chính trị (chia rẽ dân tộc, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, chủ nghĩa khủng bố...), an ninh xã hội (hoạt động phạm tội có tổ chức, buôn lậu ma tuý, an ninh dân số...)

Bàn về an ninh phi truyền thống là tài liệu tham khảo hữu ích đối với các nhà lãnh đạo, quản lý, nhà hoạch định chính sách, các chiến lược gia, các học giả, nhà nghiên cứu,

chuyên gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội ...đồng thời cũng là tài liệu bổ ích đối với bạn đọc có nhu cầu tìm hiểu, mở mang tri thức về lĩnh vực này.

3. *Nghiên cứu cơ bản các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành từ 1991 đến 2003 - dự báo về chiến tranh tương lai* là tài liệu nghiên cứu do Viện 70 - Tổng cục II - Bộ Quốc phòng biên soạn và xuất bản, Thượng tá Cao Xuân Quyền chủ biên nhằm cung cấp cho các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, các Học viện, nhà trường, Viện nghiên cứu trong toàn quân những thông tin cần thiết, những vấn đề nghiên cứu được rút ra từ các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành trong thời gian gần đây (kể từ sau khi các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, nhất là sau sự kiện 11/9/2001 ở Mỹ) và dự báo về cuộc chiến tranh trong tương lai.

Sách gồm 2 phần chính (338 trang) và phụ lục (113 trang)

Phần 1: Các cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành từ năm 1991 – 2003

- Chương 1: Cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991
- Chương 2: Cuộc chiến tranh Nam Tư năm 1999
- Chương 3: Cuộc chiến tranh Ap-ga-ni-xtan năm 2001
- Chương 4: Cuộc chiến tranh I-rắc năm 2003
- Chương 5: Đặc điểm rút ra từ bốn cuộc chiến tranh

Phần 2: Dự báo về chiến tranh tương lai

Phần phụ lục: Thống kê, phân tích, so sánh, các số liệu ... về đặc điểm vũ khí trang bị được sử dụng trong từng cuộc chiến tranh; do sánh lực lượng, phản ứng của các nước và các tổ chức quốc tế đối với các cuộc chiến tranh.